

VĂN HÓA HỌC: CULTUROLOGY VÀ CULTURAL STUDIES

Mikhail Epstein

Người dịch: TS. Nguyễn Văn Hiệu

Bài đã đăng trên tạp chí Văn hóa Nghệ thuật - 2007

LTS: Trong khoa học văn hóa, hiện có hai thuật ngữ tiếng Anh đều có thể dịch ra tiếng Việt là văn hóa học. Đó là culturology và cultural studies. Tuy vậy, hai thuật ngữ này gắn với hai truyền thống nghiên cứu văn hóa khác nhau. Đến nay, ở Việt Nam vẫn chưa có công trình bàn về sự khác biệt giữa hai thuật ngữ này. Vì vậy, chúng tôi xin giới thiệu một phần trong cuốn Transcultural Experiments: Russian and American Models of Creative Communication (New York: St. Martin's Press, 1999) của Mikhail Epstein (sinh năm 1950) - nhà nghiên cứu văn hóa và văn học Nga, hiện là giáo sư về Lý luận văn hóa và văn học Nga tại Trường Đại học Emory, Atlanta, Georgia, Hoa Kỳ. Nhan đề do người dịch đặt.

Bối cảnh lịch sử

Văn hóa học (culturology) là một chuyên ngành của nền khoa học nhân văn Nga, có nền móng từ những công trình của Nikolai Danilevski (1822-1885) và Pavel Florensky (1882-1937), phát triển đến đỉnh cao trong những thập niên 1960-1980 với những công trình của Mikhail Bakhtin (1895-1975), Aleksei Losev (1893-1988), Yuri Lotman (1922-1993), Vladimir Bibler (1918-?), Georgy Gachev (1929-?), và Sergei Averintsev (1937-?). Văn hóa học nghiên cứu tính đa

dạng của các nền văn hóa, những phương thức tương tác và những chức năng của chúng với tư cách là một siêu ngành (metadiscipline) trong khoa học nhân văn. Mục đích của ngành học này là bao quát và liên kết sự đa dạng của những hiện tượng văn hóa vốn được triết học, sử học, xã hội học, phê bình văn học và phê bình nghệ thuật... nghiên cứu một cách biệt lập.

Cơ sở triết học của văn hóa học có thể được tìm thấy trong truyền thống triết thức của Đức, đặc biệt là những quan điểm của Goeth, Herder, Windelband, Simmel, Spengler về văn hóa với tư cách là một hệ thống thống nhất hữu cơ (1). Theo quan điểm này, văn hóa bao gồm các kiểu loại của hoạt động nhận thức và sáng tạo, gồm cả chính trị, kinh tế, nghệ thuật, văn học, triết học, và tôn giáo - tín ngưỡng. Tất cả các lĩnh vực này tìm thấy những cội nguồn của chúng trong trực giác khởi thủy - hiện tượng nổi bật của một nền văn hóa - và hiện tượng này biến đổi từ những sự hình thành tộc người có tính lịch sử cụ thể.

Ở Nga, khái niệm về tính hữu cơ của văn hóa có sớm nhất trong công trình của Nikolai Danilevsky, triết gia Slavơ cuối thế kỷ XIX - người trước Oswald Spengler nửa thế kỷ. Nikolai Danilevsky đã nêu ra một số loại hình lịch sử - văn hóa (cultural-historical types), bao gồm cả “loại hình châu Âu” và “loại hình Slavơ”. Theo Danilevsky, văn hóa là khái niệm rất rộng, bao gồm 4 loại hoạt động: tín ngưỡng, chính trị, kinh tế - xã hội, và các hoạt động văn hóa hiểu theo nghĩa hẹp (nghệ thuật, khoa học, và công nghệ) (2). Những đề tài văn hóa học được thảo luận rộng rãi trong triết học tôn giáo ở Nga trước cách mạng, nơi Nikolai Berdiaev, Dmitry Merezhkovsky và Paven Florensky nghiên cứu văn hóa với tư cách là một bình diện bổ sung (complementary aspect) của nghi thức tôn giáo (cult), coi đó như một sự đáp lại một cách sáng tạo và tự do của con người đối với hành động sáng tạo của Thượng đế. Theo Berdiaev, “trong đời sống xã hội, tính ưu việt của tinh thần thuộc về văn hóa. Những mục tiêu của xã hội được hoàn thiện trong văn hóa chứ không phải trong chính trị và kinh tế”(3).

Khái niệm văn hóa trở thành khái niệm trung tâm đối với nhiều nhà tư tưởng ở nước Nga thời hậu Stalin như một sự lựa chọn để thay thế khái niệm xã hội nổi trội trong lý luận Marxist. Khi xã hội bị phân ra thành những giai cấp và những đảng phái, mỗi thế lực chiến đấu vì sức mạnh và uy quyền, văn hóa có tiềm lực để liên kết con người và giúp vượt qua những phân chia xã hội, quốc gia và lịch sử. Từ quan điểm văn hóa học, văn hóa có thể được xác định như một sự cộng cảm có tính biểu trưng: Một công trình nghệ thuật hoặc một triết thuyết mới nào được đưa vào hệ thống văn hóa đều làm thay đổi nghĩa của tất cả các thành tố khác, và bằng con đường này, không chỉ quá khứ tác động đến hiện tại mà hiện tại còn có ảnh hưởng lớn đối với quá khứ. Mô hình lịch sử với tư cách là một vector theo một hướng duy nhất (unidirectional vector) thống trị lâu dài trong trạng thái tinh thần Soviet, đã được thử thách bởi khái niệm văn hóa với tư cách là một thể liên tục đa chiều kích (multidimensional continuum), trên đó những thời đại không phải là những bước kế tiếp (successive steps) trong tiến trình của nhân loại mà là cùng tồn tại ngang bằng và có ý nghĩa đối với nhau.

Một thử thách lớn đối với chủ nghĩa Marx trong thập niên 1960 còn đến từ chủ nghĩa cấu trúc với phương pháp luận cho rằng khái niệm văn hóa có vị trí hàng đầu trong khoa học nhân văn. Mặc dù cả chủ nghĩa cấu trúc và văn hóa học có ý thức đối lập với chủ nghĩa Marx chính thống (orthodox Marxism), giữa chúng có sự khác nhau rất rõ về phương pháp luận. Công cuộc của chủ nghĩa cấu trúc về căn bản là mang tính khoa học, nó cố gắng giới thiệu chuẩn mực của toán học và khoa học tự nhiên vào mục tiêu nghiên cứu con người, trong khi văn hóa học, chịu ảnh hưởng bởi những người theo thuyết Kant mới (neo Kantian) và truyền thống chú giải học, lại nhấn mạnh rằng khó thể nắm bắt đặc trưng của các hiện tượng văn hóa bằng những phân tích và tính toán cặn kẽ. Theo những đại diện chính của các nhà văn hóa học theo hướng này, như Bakhtin và Averintsev, tính bất khả của khoa học nhân văn trong việc đạt tới sự chính xác nghiêm ngặt là thuận lợi hơn là phương hại. Vì đối tượng đích thực của khoa học nhân văn là ý chí tự do và hoạt

động tinh thần - những hoạt động vượt khỏi xác định toán học hoặc căn cứ vào khoa học tự nhiên - khoa học nhân văn đã xây dựng được những phạm trù riêng một cách chính xác và có cách tiếp cận khoa học đối với văn hóa như một hệ thống của những mã thông tin (informational codes). Vì vậy, văn hóa học nảy sinh ở Liên bang Nga (USSR) như một loại lực lượng thứ ba trong sự tranh luận về phương pháp luận giữa chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa cấu trúc: Văn hóa học từ bỏ những thành kiến xã hội và ý thức hệ trong cách tiếp cận văn hóa, đồng thời cố gắng vượt qua những thành kiến khoa học và công nghệ - một dạng của giản hóa luận (reductionism). Sự hình thành của văn hóa học với tư cách là một ngành chuyên biệt xuất hiện vào cuối thập niên 1960, khi có cảnh báo về sự cứng nhắc của chủ nghĩa cấu trúc cũng như khi xuất hiện của những công trình mới của Bakhtin và những công trình đầu tiên của Averintsev - những công trình hàm chứa tính chất luận chiến đối với chủ nghĩa duy lý kỹ thuật (technological rationalism). Trong những ghi chép vào những năm 1970-1971, Bakhtin kiên trì luận điểm cho rằng “nghiên cứu văn hóa (hoặc một vài lĩnh vực của nó) phải ở cấp độ hệ thống, và ở cấp độ cao hơn là tính thống nhất hữu cơ (organic unity): hệ thống mở, vận động, không phân giải (unresolved), không xác định trước, có khả năng chết đi và tái sinh, tự thấu vượt qua những giới hạn riêng (4).

Sự tiên triển của văn hóa học thời kỳ hậu chủ nghĩa Stalin đã chứng tỏ được sự hợp lý của nó, đối với cả những truyền thống có tính quốc gia của thuyết phổ quát (universalism) lẫn với những mô hình đa nguyên, tự do của tư duy. Trong văn hóa học, “văn hóa” được xem như một khái niệm có tính miêu tả hơn là khái niệm có tính quy phạm, bản thân thuật ngữ được dùng cả ở số ít lẫn số nhiều. *Văn hóa (culture)* với tư cách là một chỉnh thể của những lĩnh vực hoạt động, bao hàm tính đa dạng của *các nền văn hóa (cultures)* với tư cách là đa dân tộc và đa kiểu loại lịch sử, mỗi kiểu loại có nguyên tắc hình thành riêng, không thể giản hóa. Trong khi văn hóa học quan tâm đến văn hóa với tư cách là cái toàn thể (a whole), nó

cũng đồng thời thừa nhận tính đa dạng của “những cái toàn thể” (wholes) và tạm phân biệt giữa chúng bằng thuật ngữ giá trị.

Vì vậy, phương pháp luận của nghiên cứu văn hóa học cần thiết phải liên kết hai qui trình. Trước hết, nó xác định những cơ sở chung của những ngành học riêng biệt để vượt qua tính đặc thù của bất kỳ lĩnh vực chuyên biệt nào. Mikhail Bakhtin chẳng hạn, trong những suy ngẫm về nghiên cứu văn học, luôn cho rằng “văn học là một bộ phận không thể tách rời của văn hóa và không thể hiểu nó bên ngoài bối cảnh của văn hóa tổng thể của một thời đại cụ thể... Tập trung vào phạm vi hẹp là xa lạ với những truyền thống học thuật tốt nhất của chúng ta... Trong sự nhiệt tình đối với sự xác định giới hạn, chúng ta đã lờ đi những vấn đề về mối quan hệ liên tục và phụ thuộc lẫn nhau giữa các lĩnh vực đa dạng của văn hóa..., và chúng ta đã không tính rằng đời sống năng động và mạnh mẽ của văn hóa diễn ra ngay trên những đường biên của những lĩnh vực riêng của nó chứ không phải ở những nơi tập trung những đặc trưng riêng của từng lĩnh vực”(5). Qui trình thứ hai là giả định việc xác định các hiện tượng văn hóa trong tính đặc thù dân tộc và lịch sử của chúng. Nếu trong một nền văn hóa những lĩnh vực chuyên biệt và đa dạng được liên kết bởi một trực giác chung, thì tính cá biệt của trực giác này giúp phân biệt nền văn hóa này với những nền văn hóa khác trên cấp độ toàn cầu. Bình diện này của văn hóa học được phát triển xuyên suốt với Aleksei Losev trong những nghiên cứu sâu rộng của ông về mỹ học cổ điển, xác định rằng tính cổ xưa (antiquity), với tư cách là một hiện tượng văn hóa, giữ được tính đặc thù của nó trên tất cả các cấp độ phân tích, lý giải. Phân tích những lý thuyết trừu tượng nhất về phép biện chứng của sự đồng nhất và khác biệt của trường phái Plato và phái tân Plato, Losev chỉ ra rằng đằng sau những sự trừu tượng này, và “thẳm sâu trong toàn bộ tính cổ xưa..., tồn tại một trực giác đầy sức mạnh và không thể chối bỏ được về một *cơ chế phổ quát*, hoặc một trực giác của toàn bộ hiện thực với tư cách là một cơ thể sống”(6). Theo Losev, mục đích chính của nghiên cứu văn hóa học là nhận thức được tính đặc thù của một hiện tượng sẵn có như là một bộ mặt có ý

nghĩa của tồn tại” (*vyrazitel'nyi lik bytiia*). “Trong sự khám phá một sự kiện văn hóa cổ xưa có tính cổ điển, tôi không đợi đến khi tôi nhận ra ở nó một phẩm chất giúp phân biệt nó với những gì không phải cổ điển... “Phong cách” và “thế giới quan” (*style and worldview*) phải được thống nhất bằng mọi phương tiện; chúng phải chiếu ứng lẫn nhau”(7).

Hai bình diện của văn hóa học, “đa dạng” và “thống nhất”, là không thể chia tách, nhưng chắc chắn là tầm quan trọng của từng bình diện có thể khác nhau trong những công trình của một nhà nghiên cứu. Văn hóa học Nga, được hình thành từ thập niên 1960, đã có những đề xuất lớn, sinh động dành cho mỗi bình diện theo nguyên tắc của Bakhtin và Losev. Cả hai đã đặt cơ sở cho phương pháp luận này trong những công trình viết rất sớm từ thập niên 1920. Trong khi Bakhtin nhấn mạnh đến bản chất đối thoại (*dialogic nature*) của một nền văn hóa trong những khác biệt nội tại và ngoại biên của nó, thì Losev lại thiên về lý thuyết hóa tính đồng nhất của văn hóa như một biểu thị đa diện của một trực giác căn bản, nguyên sơ (8).

Culturology và cultural studies

Cách tốt nhất để giới thiệu văn hóa học Nga với một độc giả Mỹ là so sánh nó từng điểm một với những gì được biết đến trong thế giới nói tiếng Anh với tư cách là “*cultural studies*”(9). Chúng tôi chọn tham khảo trong *Introducing Cultural Studies*, trong đó, Ziauddin Sardar và Borin Van Loon đã tóm tắt rất rõ ràng những xu hướng tiêu biểu của *cultural studies*. Năm định nghĩa về *cultural studies* cũng bộc lộ những tương đồng và đối lập với *culturology*.

1. “*Cultural studies* hướng đến việc xác định vấn đề trọng tâm trong phạm vi của *những thực tiễn văn hóa và mối quan hệ của chúng với quyền lực*. Mục tiêu kiên định của nó là vạch ra những mối quan hệ quyền lực và xác định bằng cách nào những mối quan hệ này ảnh hưởng và định hình những thực tiễn văn hóa”(10).

Culturology hướng đến việc xác định văn hóa với tư cách là nơi những thực tiễn tồn tại, khả thể, và nó, với tư cách là một tổng thể (whole), giải phóng con người khỏi những điều kiện tự nhiên và những phụ thuộc vào tự nhiên, gồm cả sự phụ thuộc của kẻ yếu vào kẻ mạnh - đó mới chính là mối quan hệ của quyền lực. Văn hóa là tất cả những gì được sáng tạo bởi con người và, đến lượt nó, những thứ này làm cho con người khác với bản chất tự nhiên cố hữu của họ. Bằng việc đưa ra một chiều kích tượng trưng đối với những mối quan hệ quyền lực, văn hóa điều chỉnh những mối quan hệ này nhờ vào việc giải phóng những thông lệ của những biểu thị, làm xa lạ và dần dà xóa bỏ những nguồn gốc sinh học (chủng tộc, giới tính). Những thực tiễn văn hóa không thể bị biến thành những mối quan hệ quyền lực và không nên xem chúng chỉ được định hình và quyết định bởi những quan hệ đó: Giảm hóa luận như vậy chỉ hợp với nền văn hóa chính trị chuyên chế với tư cách là công cụ của quyền lực.

2. “*Cultural studies* không chỉ đơn thuần nghiên cứu văn hóa như thể văn hóa là một thực thể riêng biệt, tách rời với bối cảnh chính trị - xã hội. Mục tiêu của ngành này là hiểu văn hóa trong toàn bộ những dạng thức phức tạp của nó và phân tích *bối cảnh chính trị - xã hội* trong đó nó bộc lộ tự thân”.

Văn hóa tồn tại trong bối cảnh chính trị và xã hội, nhưng bối cảnh này tự nó chỉ là một diện mạo có tính bộ phận của văn hóa và nó không thể lấn át cái toàn thể. Tất cả những chiều kích đa tầng của văn hóa - những công trình nghệ thuật, triết học, những nghi thức và thực hành tín ngưỡng, những giá trị đạo đức, những mối quan hệ cá nhân, những thực tiễn trao đổi có tính biểu tượng và giao tiếp hàng ngày - ngăn chặn việc con người bị coi là con vật chính trị (political animals). Nhiệm vụ của văn hóa học là chỉ ra văn hóa như một hệ thống mở (open totality), xuyên vượt qua bất kỳ những cấu tạo đơn lẻ nào, gồm cả chính trị. Văn hóa học là sự nhận thức tự thân của văn hóa (the self awareness of culture); sứ mệnh của nó